



Hệ thống bôi trơn và nhớt, thông số kỹ thuật

Tổng quan

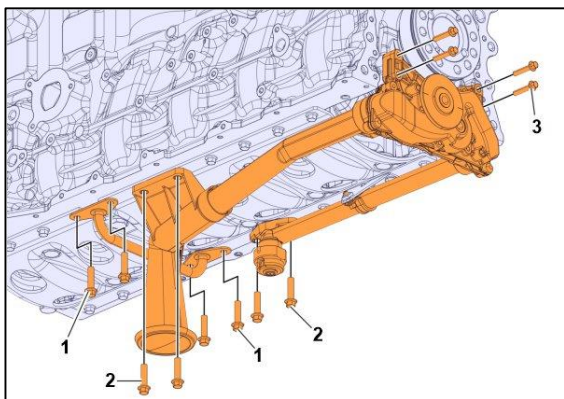
Bộ lọc nhớt, số lượng trên mỗi loại lọc nhớt

Bộ lọc nhớt sơ cấp	2
Bộ lọc nhớt thứ cấp	1

Để biết dung tích thay nhớt, hãy xem nhóm thông tin dịch vụ 175.

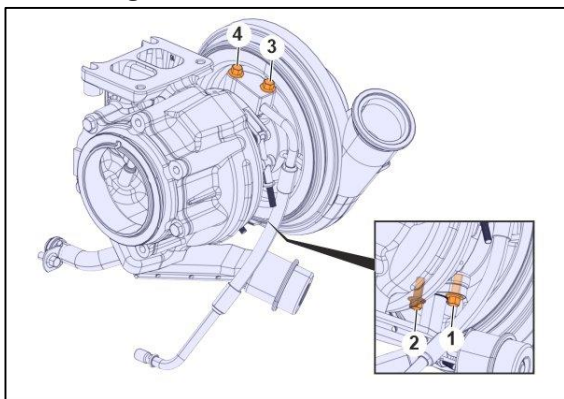
Lực siết

Bơm nhớt và đường ống



1. Đường ống áp suất, vít	48 ±8 Nm
2. Khung gia cố, vít	48 ±8 Nm
3. Vỏ bơm nhớt, vít	24 ±4 Nm

Turbocharger, kết nối nhớt

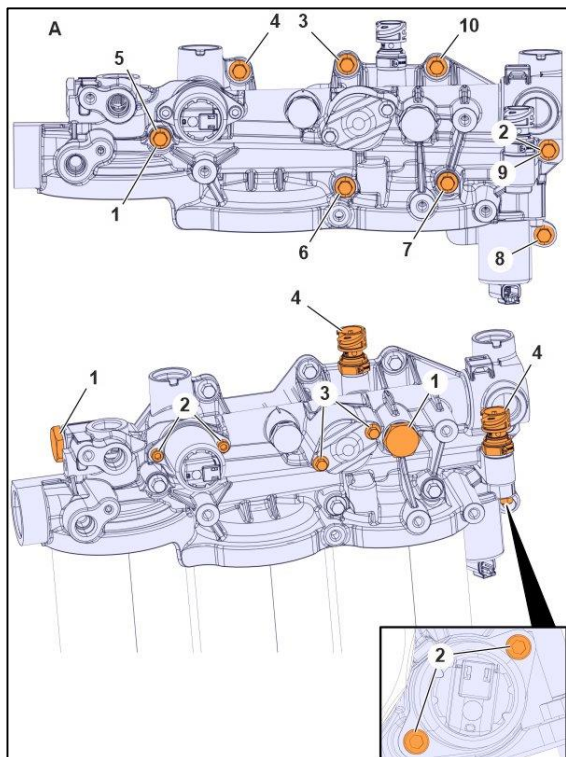


1. Đường ống nhớt, vít	1. Trình tự siết: 1, 12 Nm
	2. Trình tự siết: 2-1, 24 ±4 Nm
	3. Trình tự siết: 3, 12 Nm
	4. Trình tự siết: 4-3, 24 ±4 Nm



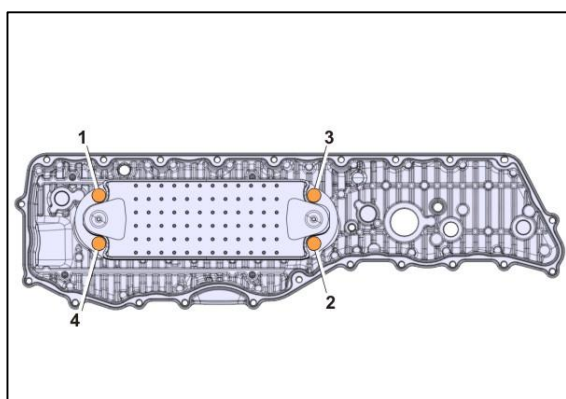
UD TRUCKS

Vỏ bộ lọc nhớt, các cảm biến



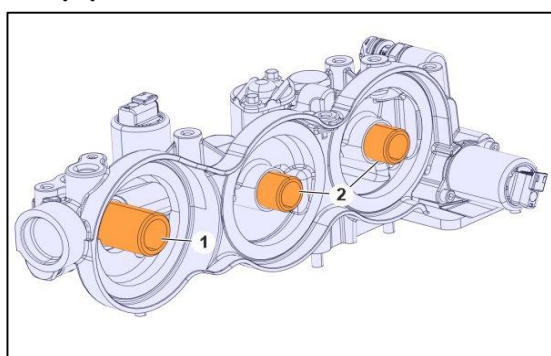
A. Vỏ bộ lọc nhớt, vít	1. Trình tự siết: 1-2, 12 ±2 Nm
	2. Trình tự siết: 3-10, 24 ±4 Nm
1. Van tràn, nút bít	55 ±5 Nm
2. Van điều khiển, vít	10 ±1.5 Nm
3. Nắp, vít	10 ±1.5 Nm
4. Cảm biến áp suất nhớt	25 ±3 Nm

Bộ làm mát nhớt



Bộ làm mát nhớt, vít	1. Trình tự siết: 1-2-3-4, 11 ±3 Nm
	2. Trình tự siết: 1-2-3-4, 35 ±5 Nm

Vỏ bộ lọc nhớt





1. Vô bộ lọc nhớt, đầu nối	65 ±5 Nm
2. Vô bộ lọc nhớt, co nối	65 ±5 Nm